

Ý NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG MỚI của từ “1-5” và “1-10”

TRẦN THẾ TƯỜNG*

I. Ý NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG MỚI CỦA TỪ “1-5” VÀ “1-10”

Trước năm 1999, ở Trung Quốc, Quốc tế Lao động và Quốc khánh Trung Quốc chỉ có thời gian là những ngày lễ một ngày (1-5 và 1-10) mà thôi. Bắt đầu từ năm 1999, cứ mỗi dịp 1-5 và 1-10, người dân Trung Quốc lại được nghỉ một tuần. Tình hình thay đổi nên nhận thức của người dân với hai từ này cũng có sự thay đổi tương ứng. Nói một cách cụ thể, hiện nay từ “1-5” có hai nghĩa: (1) chỉ chính xác một ngày 1-5; (2) chỉ khoảng thời gian 7 ngày nghỉ từ 1-5 đến 7-5. Từ “1-10” cũng có hai ý nghĩa tương tự như vậy.

Nghĩa gốc của từ “1-5” là cách gọi tắt của “Ngày Quốc tế Lao động 1-5”, còn “1-10” là cách gọi tắt của “Ngày Quốc khánh Trung Quốc 1-10”. Ví dụ:

(1) Ngày mai là 1-5, chúng mình đến thăm thầy Trương Văn đi.

(2) Hôm nay là Quốc khánh 1-10, tối nay Đài truyền hình Trung ương có chương trình gì hay không nhỉ?

Ở hai ví dụ trên, “1-5” và “1-10” chỉ thời gian là một ngày. Khi đó, thông thường sẽ có những từ như “hôm nay”, “ngày mai” v.v... đi kèm để xác định và rõ nghĩa của “1-5” và “1-10”.

Ý nghĩa mới của “1-5” và “1-10” là thời gian một tuần. Khi nói đến *tuần lễ vàng 1-5 và 1-10*, người dân Trung Quốc thường nghĩ tới việc dành phần lớn thời gian của kỳ nghỉ dài ngày để đi du lịch hoặc mua sắm. Nếu như A và B đều nói đến những kế hoạch vui chơi giải trí, du lịch dài ngày ví dụ như đi du lịch nước ngoài hay đi du lịch tới nhiều tỉnh của Trung Quốc, và trong đoạn hội thoại của họ không xuất hiện những từ chỉ thời gian như “hôm nay”, “ngày mai” v.v... thì khi đó có thể xác định “1-5” và “1-10” chỉ thời gian là một tuần lễ (tuần lễ từ 1-5 đến 7-5 và tuần lễ từ 1-10 đến 7-10). Ví dụ:

(3) 1-5 này anh có dự định gì không?

(4) 1-5 năm nay chị đi du lịch chứ?

(5) 1-10 năm nay chúng mình đi du lịch Bắc Kinh một chuyến đi anh.

(6) 1-10 này nhà tớ sẽ đi du lịch 3 nước Singapore, Malaysia và Thái-lan.

Trong 4 ví dụ trên, “1-5” và “1-10” không chỉ thời gian là 2 ngày Quốc tế lao động và Quốc khánh Trung Quốc, mà chỉ 2 tuần lễ vàng từ 1-5 đến 7-5 và từ 1-10 đến 7-10. Như vậy, ý nghĩa thực tế của “1-5” và “1-10” ở đây là “*trong tuần lễ vàng 1-5*” và “*trong tuần lễ vàng 1-10*”. Ở ví dụ (3) và (4) hai người đang

* ThS. Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

hỏi nhau xem làm thế nào để sử dụng kỳ nghỉ dài ngày, tuần lễ vàng 1-5 để nghỉ ngơi, thư giãn. Ở ví dụ (5) đôi vợ chồng trẻ đang ở một nơi rất xa Bắc Kinh, người vợ đang gợi ý chồng đi Bắc Kinh một chuyến vào kỳ nghỉ Quốc khánh Trung Quốc. Trong ví dụ (6), người nói đang ở Trung Quốc muốn đi du lịch 3 nước Singapore, Malaysia và Thái-lan chắc chắn không thể đi trong thời gian một ngày, do vậy ý nghĩa của từ “1-10” ở đây cũng là *“trong tuần lễ vàng 1-10”*.

Mặc dù trong bút ngữ, để có thể biểu đạt một cách chính xác ý nghĩa thứ 2 của “1-5” và “1-10”, người Trung Quốc thường dùng cách nói *“trong khoảng thời gian 1-5”*, *“tuần lễ vàng 1-5”*, *“trong khoảng thời gian 1-10”*, *“tuần lễ vàng 1-10”*, nhưng trong khẩu ngữ rất ít khi chúng ta gặp những cách nói như vậy. Điều này phù hợp với đặc điểm ngắn gọn linh hoạt của khẩu ngữ, đồng thời cũng thể hiện trong quá trình giao tiếp, người Trung Quốc đã mặc nhiên tiếp nhận ý nghĩa mới của “1-5” và “1-10”.

Do đó, khi dịch những câu có từ “1-5” và “1-10” sang tiếng Việt, tiếng Anh hoặc các thứ tiếng khác, phải hết sức chú ý, tránh dịch sai. Cần giải thích rõ cho người học biết ý nghĩa khác nhau của từ “1-5” và “1-10”.

II. NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH Ý NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG MỚI CỦA TỪ “1-5” VÀ “1-10”

Sở dĩ “1-5” và “1-10” có những ý nghĩa và cách dùng mới nêu trên là có 3 nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, đó là sự thay đổi của tình hình khách quan. Chúng ta biết rằng, từ

vùng có thể phản ánh trực tiếp thế giới khách quan. Cùng với sự phát triển và thay đổi không ngừng của xã hội loài người, từ vựng trong ngôn ngữ cũng không ngừng phát triển và thay đổi. Ở Trung Quốc, trước đây mỗi dịp Quốc tế lao động 1-5 và Quốc khánh Trung Quốc 1-10, người dân Trung Quốc chỉ được nghỉ một ngày. Khi đó, từ “1-5” chỉ 1 ngày Quốc tế lao động 1-5, còn “1-10” chỉ 1 ngày Quốc khánh Trung Quốc 1-10. Bắt đầu từ năm 1999, chính phủ Trung Quốc đã quyết định kéo dài ngày nghỉ 1-5 và 1-10 từ 1 ngày thành 1 tuần, nhằm mục đích tạo cho người dân có nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn, đồng thời cũng nhằm thúc đẩy du lịch và tiêu dùng. Để không ảnh hưởng đến công việc, học tập của người dân, 2 hoặc 3 ngày làm việc trong kỳ nghỉ 1-5 và 1-10 được điều chỉnh, chuyển sang hai ngày nghỉ cuối tuần trước đó. Như thế, nhân dân cả nước Trung Quốc có thể tận hưởng một kỳ nghỉ dài theo cách riêng của từng người: hoặc ở nhà nghỉ ngơi, hoặc đi du lịch, hoặc đi siêu thị mua sắm v.v.. Kỳ nghỉ dài ngày có thể thúc đẩy tiêu dùng, giúp các doanh nghiệp tăng mạnh doanh số bán hàng, đồng thời cũng giúp người dân Trung Quốc dành thời gian làm những việc mình thích. Như thế là có lợi cho cả người dân lẫn các doanh nghiệp. Cũng vì lý do này, hai kỳ nghỉ dài ngày 1-5 và 1-10 đã được người dân Trung Quốc gọi là 2 *“tuần lễ vàng”*.

Thứ hai, đó là xu hướng lấy bộ phận đại diện cho toàn thể. Rất nhiều từ ngữ đều có một điểm chung, đó là lấy bộ phận đặc trưng tiêu biểu nhất của sự vật để đại diện cho toàn bộ sự vật. Đây là đặc điểm chung của các ngôn ngữ trên thế giới, và tiếng Hán

cũng không phải là ngoại lệ. Ví dụ, Nhà trắng ở Oa-sinh-tơn, thủ đô nước Mỹ là nơi đặt văn phòng tổng thống Mỹ. Trong tin tức báo chí, nếu chúng ta thấy xuất hiện một câu “*Nhà trắng vẫn chưa có lời giải thích nào về việc này*” thì chúng ta có thể khẳng định “*Nhà trắng*” ở đây không chỉ toà nhà trắng ở Oa-sinh-tơn, mà chỉ văn phòng tổng thống Mỹ và các quan chức, cơ quan có liên quan. “*Nhà trắng*” trở thành một từ thay thế cho “*Văn phòng tổng thống Mỹ*”, để đại diện cho một chính thể “*tổng thống và chính phủ Mỹ*”. Các từ ngữ tương tự như “*Nhà trắng*” còn rất nhiều, thông thường trong tin tức báo chí, người ta thường lấy tên thủ đô một nước để đại diện cho chính phủ nước đó. Lại ví như từ “*bán đấu giá*” trong tiếng Trung Quốc là “*phách mại*”, nếu hiểu từ theo từ, “*phách*” là “*gõ*” (gõ búa), “*mại*” là “*bán*”, hiểu nôm na “*phách mại*” có nghĩa là “*gõ búa và bán*”. Trong tiếng Trung Quốc, người ta dùng “*phách mại*”-giai đoạn cuối cùng trong quá trình đấu giá để chỉ cả quá trình này. Theo “*Từ điển Hán ngữ hiện đại*” do Thương Vụ Ấn thư quán xuất bản năm 2000, “*phách mại*” được định nghĩa là: “*Các thương gia trong ngành bán hàng ký gửi tiến hành bán hàng hoá ký gửi công khai, nhiều khách hàng ra giá để giành mua được hàng, cho đến khi không còn khách hàng nào ra giá cao hơn, sẽ tiến hành gõ búa biểu thị hàng đã được bán với giá cuối cùng*”. Như vậy, có thể thấy nội dung của “*phách mại*” (bán đấu giá) không hề đơn giản, ý nghĩa thực tế của nó không như cách hiểu nôm na “*gõ búa và bán*”. Những ý nghĩa mới của “1-5” và “1-10” cũng hình thành trên nguyên tắc lấy bộ phận đại diện cho toàn bộ.

Đầu tiên người dân Trung Quốc nói “*tuần lễ vàng 1-5*” và “*tuần lễ vàng 1-10*”, sau đó, nhằm mục đích biểu đạt ngắn gọn súc tích, người ta đã lược bỏ từ “*tuần lễ vàng*”. Khi đó, “1-5” và “1-10” hành chức thay thế cho 2 tuần lễ bắt đầu từ hai ngày nói trên. Trong trường hợp hai bên tham gia giao tiếp nắm được cùng một lượng thông tin ngôn ngữ thì cách nói rút gọn này không hề gây ra hiện tượng hiểu lầm.

Thứ ba là việc hình thành những ý nghĩa mới của “1-5” và “1-10” chịu ảnh hưởng rất lớn của khẩu ngữ. Khẩu ngữ đòi hỏi sự ngắn gọn, súc tích, tiết kiệm phương tiện ngôn ngữ. Bắt đầu từ năm 1999, khi các định danh “*tuần lễ vàng 1-5*” và “*tuần lễ vàng 1-10*” ra đời người dân Trung Quốc còn thấy mới lạ. Đến năm 2002, khi “*tuần lễ vàng*” thực hiện đã được 4 năm, cách nói đầy đủ “*tuần lễ vàng 1-5*” và “*tuần lễ vàng 1-10*” trở nên quá dài. Trong khẩu ngữ tổ hợp từ “*tuần lễ vàng*” dần dà bị lược bỏ đi. Hiện nay “1-5” và “1-10” chỉ 2 tuần lễ vàng bắt đầu từ hai ngày nói trên được mọi người chấp nhận. Điều này cũng phần nào thể hiện được tính kinh tế của ngôn ngữ. Trong việc sử dụng ngôn ngữ, những cụm từ có tần suất sử dụng cao, thì thường rất dễ bị rút gọn. So sánh các cụm từ “*科学技术*”, “*人民代表大会*”, “*新华通讯社*”, “*共产主义青年团*”, “*百花齐放、百家争鸣*”, “*阴平声、阳平声、上声、去声*” v.v.. đã lần lượt được rút gọn thành “*科技*”, “*人大*”, “*新华社*”, “*共青团*”, “*双百*”, “*四声*” v.v..

III. GIẢI THÍCH BẰNG LÝ THUYẾT NGỮ NGHĨA HỌC TỪ VỰNG

Trong cuốn “*Ngữ nghĩa học từ vựng*” (《*词汇语义学*》), hai nhà nghiên cứu Trương Chí Nghị, Trương Khánh

Vân (张志毅、张庆云) cho rằng, sự thay đổi nghĩa của từ có 3 nguyên nhân chính: thứ nhất là nguyên nhân của thể giới khách thể; thứ hai là nguyên nhân của thể giới chủ thể; thứ ba là nguyên nhân của thể giới ngôn ngữ. *“Trong các yếu tố của ngôn ngữ, chỉ có từ vựng, đặc biệt là nghĩa từ có quan hệ mật thiết nhất với thể giới khách quan. Triết học cho rằng thể giới và ngôn ngữ có sự giống nhau tương đối trong kết cấu, điều đó thể hiện chủ yếu ở nghĩa từ, trong nghĩa từ bao gồm các nhân tố vật chất khách thể, từ có tính đối ứng với sự vật. Do vậy, mỗi một thay đổi của thể giới khách thể khiến người ta chú ý đến đều được phản ánh kịp thời trong nghĩa từ. Sự thay đổi và phát triển của thể giới khách thể là nhân tố đầu tiên dẫn đến sự thay đổi của nghĩa vị.”* (tr.314). Lập luận trên hoàn toàn có thể áp dụng vào việc lý giải sự hình thành của ý nghĩa và cách dùng mới của “1-5” và “1-10”. Do từ ngữ phản ánh thể giới khách thể, nên khi thể giới khách thể vận động và thay đổi thì ý nghĩa của từ ngữ cũng có sự thay đổi tương ứng. Thay đổi của thể giới khách thể bắt đầu từ năm 1999, cứ mỗi dịp 1-5 và 1-10 người dân Trung Quốc lại được nghỉ 7 ngày đã tạo ra cho “1-5” và “1-10” có thêm nghĩa mới. Thực tế ngôn ngữ sinh động đã minh chứng cho sự chính xác của lý thuyết trên.

Trương Chí Nghị, Trương Khánh Vân còn nhận định: *“Sự thay đổi và phát triển của thể giới chủ thể, chắc chắn là động lực thứ hai thúc đẩy sự thay đổi của nghĩa vị. Những yếu tố chính của động lực này là nhận thức tư duy, quan niệm tư tưởng, tâm lý tình cảm”*(Sách đã dẫn, tr. 318). *“Tâm lý của con người bao gồm những ước vọng tâm lý phong phú: mong muốn cái*

mới, cái đẹp, sự ngắn gọn và nhã nhặn lịch sự v.v..” *“Mong muốn sự ngắn gọn chính là sự khao khát tính kinh tế, ít lời, rõ ràng, ít tốn sức. Điều này thường khiến nghĩa vị thay đổi và tạo nên nghĩa mới.”* (Sách đã dẫn, tr. 320-321). Việc hình thành nghĩa và cách dùng mới các từ “1-5” và “1-10” càng sáng tỏ khi soi vào lý thuyết trên.

Những nhân tố bên ngoài tác động đến sự thay đổi của nghĩa vị, nhưng chúng không thể tách rời nhân tố bên trong, đó chính là thể giới ngôn ngữ. Thể giới ngôn ngữ chia làm ba bộ phận: ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng. Sở dĩ “1-5” và “1-10” có những ý nghĩa mới, là do trong giao tiếp ngôn ngữ thực tế, hai phía người nghe và người nói có nhận thức chung về *“tuần lễ vàng”*. Trong ngữ cảnh nhất định, người ta có thể dễ dàng phân biệt những ý nghĩa khác nhau của “1-5” và “1-10”. Nói cách khác, yếu tố ngữ dụng cũng là một nguyên nhân tạo ra sự thay đổi về nghĩa từ nói trên. Trong khi đó, bút ngữ tiếng Trung Quốc hiện nay vẫn còn giữ cách nói đầy đủ như trước.

IV. LỜI KẾT

Trong bài viết này, chúng tôi muốn xuất phát từ thực tế ngôn ngữ để miêu tả về một hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, sau đó vận dụng lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng giải thích hợp lý cho sự thay đổi này. Miêu tả sự thay đổi về nghĩa từ của “1-5” và “1-10”, khu biệt nghĩa ban đầu và nghĩa mới của hai từ này, có vai trò quan trọng trong việc hiểu và dịch đúng tiếng Hán. Vận dụng lý thuyết của ngữ nghĩa học từ vựng để giải thích sự hình thành những ý nghĩa mới của hai từ trên, giúp cho công trình nghiên cứu nhỏ này không dừng lại ở

mức độ cảm tính mà nâng lên tầm lý thuyết cao hơn, đảm bảo cho các kết luận đưa ra có cơ sở khoa học và chính xác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO 参考文献:

[1] 曹伟. 《现代汉语词义学》. 上海: 学林出版社, 2001.

[2] 葛本仪. 《现代汉语词汇学》. 济南: 山东人民出版社, 2001.

[3] 贾彦德. 《汉语语义学》. 北京: 北京大学

出版社, 1999.

[4] 李宇明(主编). 《理论语言学教程》. 武汉: 华中师范大学出版社, 1997.

[5] 利奇(Leech). 《语义学(中译本)》. 上海: 上海外语教育出版社, 1987.

[6] 张志毅、张庆云. 《词汇语义学》. 北京: 商务印书馆, 2001.

[7] 陈世祥. 《五一和十一》, 《学汉语》2002年第7期. 北京: 北京语言文化大学出版社, 2002.



ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA ... (Tiếp theo trang 14)

14. 廖秋忠, 1989

《空间方位与方位参照点》, 中国语文

15. 刘宁生, 1994 《汉语怎么样表

达物体的空间关系》, 中国语文

16. 刘润清, 1995 《西方语言学流派》外语
教学与研究出版社

(người dịch: Đào Hà Ninh)

17. 束定芳, 2004 《语言的认知研究 -----
认知语言学论文精选》

(Cognitive Studies of Language)

上海外语教育出版社

18. 赵艳芳 2001 《认知语言学概论》
An Introduction to Cognitive

Linguistics) 上海外语出版社

Tiếng Anh

19. Eve Sweetser (2002), *From Etymology to
Pragmatics: Metaphorical and Cultural
Aspects of Semantic Structure*,

北京大学出版社, Cambridge University Press

20. Goossens, Louise (1995), *Metaphonymy:
the Interaction of Metaphor and Metonymy in
Expression for Linguistic Action*, In:
Goossens, L et al. (eds) *By Word of Mouth.
Metaphor, Metonymy and Linguistic Action in
a Cognitive Perspective*. Amsterdam/
Philadelphia: John Benjamins

21. Lan Chun (蓝纯), 2003, *A Cognitive
Approach to Spacial Metaphor in English and
Chinese*

《从认知角度看汉语和英语的空间隐喻》
外语教学与研究出版社

22. Ronald W. Langacker (2004),
Foundation of Cognitive Grammar (v.1, v.2),
北京大学出版社

23. John R. Taylor (2001), *Linguistics
Categorization: Prototypes in Linguistics
Theory*, 外语教学与研究出版社

24. E. Ungerer, H.J. Schmid (2003), *An
Introduction to Cognitive Linguistics*,
外语教学与研究出版社. □